

có suy nghĩ rằng do không có gì mâu thuẫn nên cũng không cần phải đi làm thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn vào thời điểm đầu năm 2016. Đến năm 2018, mâu thuẫn càng tăng nên bà đã đi về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Ba Bể sống và hai bên ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông B không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế nên hai bên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Từ khi ly thân cho đến nay, việc của ai người ấy lo, thu nhập của ai người ấy quản lý, không quan tâm đến nhau. Nay bà xác định hai bên không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau; vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông B để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Theo nội dung trình bày của bị đơn ông Nguyễn Bá B thể hiện: Ông và bà Ô Thị H chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời điểm đó ông bà tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và về chung sống với nhau tại thôn Lỗ Xá, xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào (*nay là tổ dân phố Lỗ Xá, phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên. Năm 2016 ông bà phát sinh mâu thuẫn và về đến cuối năm 2016 thì ông bà sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa ông và bà H không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế nên hai bên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Từ khi ly thân cho đến nay, việc của ai người ấy lo, thu nhập của ai người ấy quản lý. Nay ông xác định hai bên không còn tình cảm, không thể đoàn tụ sống chung với nhau nên ông hoàn toàn đồng ý với yêu cầu của bà H là yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà H để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà H và ông B trình bày ông bà có 01 con chung là Nguyễn Thị B, sinh ngày 28/8/1993. Hiện tại chị B đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã kết hôn và tự lo cho bản thân được nên cả bà H và ông B đều không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Bà H và ông B xác định hai người không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị B là con đẻ của ông B và bà H trình bày: Bố mẹ chị chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bố và mẹ của chị đã phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau đã lâu. Chị đã nhiều lần đóng góp ý kiến để bố mẹ hàn gắn nhưng tình cảm hai bên không cải thiện được và bố mẹ chị đều xác định cứ kéo dài tình trạng này thì sẽ khổ cho cả hai bên. Chị đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của bố mẹ chị theo quy định của pháp luật. Về phía chị đã đi xây dựng gia đình từ năm 2016, không còn phải sống phụ thuộc vào bố mẹ. Giữa chị và bố mẹ không liên quan gì về tài sản, kinh tế, vay nợ, công sức nên không có vấn đề gì cần yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân phường Nhân Hoà, thị xã Mỹ Hào cung cấp: Ông Nguyễn Bá B và bà Ô Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, được hai bên

gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà có 01 con chung là chị Nguyễn Thị B, sinh ngày 28/8/1993, hiện tại đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Quá trình chung sống ông bà đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu. Nay bà H và ông B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Ô Thị H và bị đơn ông Nguyễn Bá B đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chủ tọa phiên tòa đã công bố toàn bộ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện VKSND thị xã tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Xử không công nhận vợ chồng giữa bà Ô Thị H và ông Nguyễn Bá B; Về con chung, tài sản chung, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Ô Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn Bá B là vợ chồng nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông B có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố N, phường N, thị xã M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Ô Thị H và ông Nguyễn Bá B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn nên thuộc trường hợp không được hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa bà H, ông B vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng là chị B vắng mặt và đã có lời khai trực tiếp tại Tòa đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của bà H, ông B; lời trình bày chị B (là con đẻ của ông, bà); kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Nhân Hoà, thị xã Mỹ Hòa đã đủ cơ sở xác định: Bà H và ông B được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau như vợ

chồng từ năm 1992 tại thôn Lỗ Xá, xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào (*nay là tổ dân phố Lỗ Xá, phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên. Ông bà có 1 con chung sinh năm 1993. Quá trình ông bà chung sống với nhau đã nảy sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ năm 2018 đến nay và không thể hàn gắn được. Nay bà H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông B là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội thì trường hợp của bà H và ông B chung sống với nhau như vợ chồng sau năm 1987 mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, không công nhận bà H và ông B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông B và bà H có 01 con chung là Nguyễn Thị B, sinh ngày 28/8/1993, hiện tại đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã kết hôn và không thuộc trường hợp bố mẹ phải cấp dưỡng nên không đặt ra để giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số **326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: không công nhận bà Ô Thị H và ông Nguyễn Bá B là vợ chồng.
2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.
3. Tài sản chung, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Bà Ô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013205 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào. Bà H đã nộp đủ tiền án dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THAHS - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND thị xã Mỹ Hào.
- Chi cục THADS thị xã Mỹ Hào;
- UBND phường Nhân Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Huy

